

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 24-5-2022

V/v tranh chấp về cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Bà Nguyễn Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng”.

Do Bản án sơ thẩm số 297/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1473/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5138/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 543/21 N, phường Đ, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Tường D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: 59/3/14 L, Phường 26, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Lan P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 138/26 N, Phường 3, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh..

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

Ông và bà Trần Thị Lan P ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 624/2019/QĐST – HNGĐ ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận V, ông giao hai con chung tên Phan Nhật A, sinh ngày 27/10/2006 và Phan Nhật T, sinh ngày 09/10/2009 cho bà Trần Thị Lan P trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng mỗi con chung số tiền là 7.500.000 đồng, tổng cộng là 15.000.000 đồng/tháng/2 con. Ông đã cấp dưỡng nuôi các con chung tháng 11, tháng 12 năm 2019 và tháng 01 năm 2020. Từ tháng 02 năm 2020 đến nay, ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi các con chung do ông thất nghiệp. Đồng thời, ông còn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, trả nợ cha mẹ ông và trang trải cuộc sống cá nhân trong thời gian mất việc làm. Từ tháng 5 năm 2021, ông làm việc tại Công ty Cổ phần S, chức vụ phó phòng kinh doanh nhưng trên tấm danh thiếp ghi chức vụ giám đốc kinh doanh để tiện giao dịch với đối tác, mức lương cố định là 5.000.000 đồng và chiết khấu theo doanh thu bán hàng. Sau đó dịch Covid, ông nghỉ làm, tháng 7 ông tiếp tục làm việc tại Công ty này. Nay ông yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng mỗi con từ 7.500.000 đồng/tháng xuống còn 3.000.000 đồng/tháng, tổng cộng mức cấp dưỡng hai con chung là 6.000.000 đồng/tháng.

* Bị đơn bà Trần Thị Lan P trình bày:

Bà xác nhận lời trình bày của ông Phan Văn T về việc ly hôn và cấp dưỡng cho con đúng như ông T trình bày. Tháng 7 năm 2020, bà và ông T chuyển nhượng phần đất ở L, mỗi người được nhận số tiền 532.000.000 đồng. Toàn bộ các chi phí sinh hoạt, học tập của các con đều do mình bà chi trả, cụ thể: Đối với Phan Nhật A học tại Trường THPT V: Chi phí tiền học, xe đưa rước khoảng hơn 10.000.000 đồng/tháng; Đối với Phan Nhật T học tại trường THCS P: Tiền học phí, tiền học văn, toán, tiếng anh với số tiền là 3.177.000 đồng. Ngoài ra, còn các khoản chi phí khác như ăn uống, quần áo, sách vở.... Bà đã làm đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự Quận V nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung. Ngày 21/12/2021, Chi cục Thi hành án dân sự Quận V ban hành Quyết định số 30/QĐ - CCTHADS về việc phong tỏa tài khoản đối với ông T. Ngày 24/12/2021, Chi cục Thi hành án dân sự Quận V ban hành Quyết định số 10/QĐ – CCTHADS về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án với số tiền 389.750.000 đồng để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung đến tháng 12 năm 2021. Bà đã nhận đủ số tiền cấp dưỡng nuôi các con chung của ông T tính đến tháng 12 năm 2021. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T vì hiện nay các con ngày càng lớn, chi phí cho các con ngày càng tăng. Năm 2019, ông T nghỉ việc theo nguyện vọng và đã có việc làm với chức danh là Giám đốc kinh doanh. Hiện nay, bà và ông T đều có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng chưa phân chia.

Tại Bản án sơ thẩm số 297/2022/HNGĐ-ST ngày 26/01/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 71, khoản 2 Điều 82, Điều 116, Điều 117

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn T, về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung từ số tiền 7.500.000 đồng/tháng/con chung xuống còn số tiền 3.000.000 đồng /tháng/con chung, tổng cộng 6.000.000 đồng/tháng/2 con chung.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 23/02/2022, ông Phan Văn T nộp đơn kháng cáo không đồng ý giữ nguyên mức cấp dưỡng 7.500.000 đồng/tháng/con mà ông yêu cầu Tòa án chấp nhận mức cấp dưỡng do ông đề nghị là 3.000.000 đồng/tháng/con chung.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm mức cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng/con với lý do ông đang khó khăn về kinh tế, không có khả năng cấp dưỡng theo mức cấp dưỡng cũ khi ly hôn năm 2019.

- Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Đối với kháng cáo của ông Phan Văn T, xét ông T có thu nhập, có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với bà Trần Thị Lan P. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phan Văn T kháng cáo yêu cầu xem xét lại mức cấp dưỡng mỗi tháng cho con. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 624/2019/QĐST – HNGĐ ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận V, ông Phan Văn T và bà Trần Thị Lan P thuận tình ly hôn, con chung tên Phan Nhật A, sinh ngày 27/10/2006 và Phan Nhật T, sinh ngày 09/10/2009 do bà Trần Thị Lan P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung là 15.000.000 đồng/tháng. Nay ông T khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con 3.000.000 đồng/tháng/trẻ.

[3] Xét kháng cáo của ông Phan Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo bà Trần Thị Lan P trình bày, chi phí cho việc học tập ở trường của trẻ Phan Nhật A là 6.757.000 đồng/tháng và của trẻ Phan Nhật T là 3.177.000 đồng/tháng. Ngoài ra còn có các chi phí khác như tiền ăn uống, sữa, quần áo.... Ông Phan Văn T đồng ý với các khoản nuôi con do bà P trình bày. Hội đồng xét xử xét, các chi phí bà P trình bày là chi phí thiết yếu cho việc nuôi dưỡng hai con chung, các chi phí này được đại diện ông T xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm bao gồm tiền học cho 02 con khoảng 13.000.000 đồng và các chi phí cho tiền ăn, tiền sách vở, linh tinh khác.

Đối với ông T, khi nghỉ làm tại Công ty Điện lực Phú Thọ, ông T được nhận 285.785.488 đồng. Hiện nay, ông T làm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần S có mức lương ổn định hàng tháng. Đồng thời, ông T và bà P cùng xác nhận, ông T và bà P còn có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và mới chuyển nhượng một tài sản vào tháng 12/2021 với giá 6.300.000.000 đồng, phần ông T được $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng đó. Như vậy, ông T có điều kiện kinh tế, có khả năng cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, với chi phí sinh hoạt, học tập ngày càng tăng theo nhu cầu phát triển của trẻ, mà tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xác nhận chỉ riêng chi phí học tập của hai con khoảng 13.000.000/tháng gần bằng với số tiền ông T cấp dưỡng hàng tháng. Đối với các chi phí còn lại cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của con do bà P chịu trách nhiệm. Căn cứ Khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình, ông T và bà P có nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Lý do ông Phan Văn T xin thay đổi mức cấp dưỡng cho con vì ông đang trả nợ cha mẹ là không hợp lý, bởi lẽ, hiện tại ông đang có việc làm, có thu nhập. Việc ông cho rằng phải trả nợ cho cha mẹ nên không thể cấp dưỡng cho con là không hợp lý vì ông T xác nhận tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm là cha mẹ không yêu cầu nhưng ông thấy cần có trách nhiệm trả nợ. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông T yêu cầu giảm mức cấp dưỡng cho con là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn T, nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 71, Điều 82, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn T.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 297/2022/HNGĐ-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung từ 7.500.000 đồng/tháng/trẻ giảm còn 3.000.000 đồng/tháng/trẻ.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn T chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0025750 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Ông Phan Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn T chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0025821 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Ông Phan Văn T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân TP.Đ;
- Chi cục THADS TP.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên